

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **118/2019/HS-PT**

Ngày: 23-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Như Tám

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Ngô Ni K và đồng phạm, do có kháng cáo của bị hại Trần Văn B, Trần Ngọc C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1- Ngô Ni K, sinh ngày 21/3/1995; tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 5 C, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Ng, sinh năm 1952 và bà: Thị Nn, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/4/2018 cho đến nay (có mặt).

2- Danh D, sinh năm 1991; tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Danh H, sinh năm 1961 và bà: Thị L, sinh năm 1964; vợ: Thị K1, sinh năm 1998;

con 01 người, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2018 cho đến nay (Có mặt).

3- **Võ Văn Đ** (tên gọi khác **Méo**), sinh ngày 26/3/1998; tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp BT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Võ Văn L**, sinh năm 1975 và bà: **Lê Thị Tr**, sinh năm 1978; vợ: **Phạm Thị Ánh H**, sinh năm 1998; con 01 người, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2018 cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Ni Kel và Võ Văn Đương: Bà **Vũ Thị Luyên** là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:*

1. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1972 (Có mặt)

2. Ông **Trần Ngọc C**, sinh năm 1995 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 72, ấp 5 BA, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Đặng Thị Km**, sinh năm 1981 (Có mặt).

2. Ông **Lê Quốc Tr** (tên gọi khác **Trg**), sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp 5 BB, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Danh Hoàng A**, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Danh Minh Tn**, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp BL, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

5- Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5 BA, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 14/02/2018, **Đặng Thị Km** điện thoại cho **Ngô Ni K** nói chuyện đòi nợ nhưng bị ông **Trần Văn B** đòi đánh. **Ngô Ni K** mượn xe **YAMAHA EXCITER** biển kiểm soát 68CA-027.89 của **Danh Minh Tn** nói là đi công chuyện rồi **K** điện thoại cho **Võ Văn Đ** kêu mang theo hung khí đi công chuyện thì **Đ** đồng ý và lấy 01 cây roi điện (dùi cui điện) bỏ vào người. **Ngô Ni K** điều khiển xe chạy đến nhà của **Danh D** kêu **Danh D** đi công chuyện **D** đồng ý và ra xe cho **K** chở đi.

Đi được một đoạn thì Danh D qua xe một người bạn của K (không rõ nhân thân lai lịch) chở và có một người (không rõ nhân thân lai lịch) đưa cho D 01 cây dao tự chế dài 55cm, loại dao mũi nhọn, trên thân dao được quấn nhiều lớp băng keo nhựa màu đen, D lấy cất giấu cây dao trong người. Ngô Ni K điều khiển xe chạy đến dốc cầu Thứ 5 gần nhà thuộc ấp BL, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang lấy 01 cây dao tự chế dài 59cm, cán bằng kim loại dạng ống tròn, quấn băng keo màu đỏ, trên lưỡi có một lỗ tròn và một rãnh khuyết do K đã cất giấu trước đó, giấu vào trong người rồi cả nhóm đi lại nhà Đặng Thị Km.

Một lúc sau, Lê Quốc Tr chở Đặng Thị Km ngồi giữa, còn Trương Huỳnh H ngồi sau đi trước, nhóm của Ngô Ni K đi theo sau qua đến nhà ông Trần Văn B nói chuyện nợ nần. Lúc này ông B bước ra trả lời với chị Km xong và kéo tay chị Km kêu chị Km về đi. Đặng Thị Km bước ra về và kêu nhóm của K cùng về rồi bỏ đi.

Lúc này, ông Trần Văn B đứng trong sân nhà liên tục thách thức, chửi nhóm của K, K rút dao thủ sẵn trong người, Đ lấy dùi cui điện bật lên, còn Danh D cũng rút dao ra đi theo phía sau K. Ngô Ni K cầm dao xông vào định chém ông B nhưng ông B bỏ chạy. Lúc này, Trần Ngọc C (là con trai ông B) cầm cây chạy đến thì bị K dùng dao chém nhiều nhát trúng vào vùng cổ, vai, tay trái và hông của C. Võ Văn Đ xông tới cầm dùi cui điện chích vào bả vai trái của Chức.

Ngô Ni K tiếp tục xông vào nhà chém ông B 01 nhát trúng vào vùng trán, thì ông B giằng co với K và giữ được cây dao của K. Thấy vậy, Đ xông vào dùng dùi cui điện chích vào tay trái ông B và Danh D cũng xông vào chém ông B 02 nhát trúng vào vùng trán ông B. Sau đó, Ngô Ni K quăng bỏ cây dao tại hiện trường, rồi cùng với Danh D và Võ Văn Đ về nhà.

Còn Võ Văn Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 24/12/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 172/KL-PY ngày 29/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận đối với thương tích của Trần Văn B như sau:

- 1- Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo xơ cứng vùng trán – đỉnh phải (02 vết) gây méo bản sọ ngoài vùng trán-đỉnh phải (02 vết).
 - Sẹo vùng giữa trán gây ảnh hưởng thẩm mỹ.
 - Sẹo vùng cẳng tay trái.
- 2- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:
 - Vùng trán - đỉnh phải:

- + Vết 1 là: 11% (mười một phần trăm).
- + Vết 2 là: 18% (mười tám phần trăm).
- Vùng giữa trán là: 11% (mười một phần trăm).
- Cẳng tay phải là: 01% (một phần trăm).

3- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là 32% (ba mươi hai phần trăm).

4- Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng trán - đỉnh phải và vùng giữa trán do vật sắt gây nên; Vật chứng (cây dao tự chế) gửi giám định gây ra được các vết thương trên;
- Thương tích vùng cẳng tay phải do vật có góc, cạnh gây nên; Vật chứng (cây dao tự chế) gửi giám định không gây ra được thương tích này.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 177/KL-PY ngày 02/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận đối với thương tích của Trần Ngọc C như sau:

1- Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo xơ cứng vùng cổ trái và vùng hố chậu phải.
- Sẹo phần mềm vùng ngực trái, bụng phải, hông phải, mặt trước vai phải và cẳng tay trái.

2- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng cổ bên trái là 06% (sáu phần trăm).
- Vùng vai phải là 01% (một phần trăm).
- Vùng ngực trái là 01% (một phần trăm).
- Vùng ngực phải là 01% (một phần trăm).
- Vùng bụng phải là 01% (một phần trăm).
- Vùng hông phải là 06% (sáu phần trăm).
- Vùng cẳng tay trái là 01% (một phần trăm).

3- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là 12% (mười hai phần trăm).

4- Vật gây thương tích:

- Thương tích vùng cổ, ngực trái, bụng hông phải và cẳng tay trái do vật sắt gây nên; Vật chứng gửi giám định gây ra được các vết thương tích trên;
- Thương tích vùng ngực phải, bụng phải và cẳng tay trái do vật tày gây nên; Vật chứng gửi giám định (cạnh sòng gây ra được thương tích trên).

Về vật chứng của vụ án: 01 cây dao tự chế dài 59cm, cán bằng kim loại dạng ống tròn, quấn băng keo màu đỏ dài 17,5cm, có lưỡi dao bằng kim loại, mũi nhọn dài 41,5cm, nơi rộng nhất 5cm, trên lưỡi có một lỗ tròn và một rãnh khuyết; 01 cây dao bằng kim loại màu đen (loại dao yếm), cán bằng kim loại liền dài 40,2cm, phần lưỡi dao rộng nhất 7,6cm, phần mũi dao gần mũi bị rỉ sét; 01 cây dao dài 55cm loại dao mũi nhọn, được làm bằng kim loại, phần rộng nhất của cây dao 3,2cm, trên thân dao được quấn nhiều lớp băng keo nhựa màu đen dài 14cm; 01 đôi dép nhựa màu đen, loại dép quai kẹp, trên quai dép có chữ Abercrombie, mặt trên đế dép có hình hoa văn; 01 miếng gạch màu cam, không rõ hình; 01 cục gạch màu cam, không rõ hình; 01 khẩu trang có kích thước 10cm x 18cm, mặt ngoài màu xám, mặt trong màu trắng (dạng khẩu trang y tế), một bên dây bị đứt; 01 đôi dép nhựa màu xám, loại quai ngang, trên quai có logo hình tròn màu đen, trên logo có chữ adidas màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu tím, trắng, đỏ, đen; 01 chiếc dép nhựa bên phải, màu trắng, loại dép quai ngang, trên quai có nhiều lỗ tròn nhỏ, mặt trên đế dép có hình hoa văn; 01 cái rổ hình tròn có đường kính 68cm được làm bằng nhựa màu xanh trong tình trạng bị móp cong của ông Trần Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Ngô Ni K, Danh D và Võ Văn Đ đã thống nhất liên đới bồi thường cho ông Trần Văn B tiền thuốc 4.000.000đ, tiền tàu xe đi tái khám 3.000.000đ, tiền ăn bồi dưỡng khi nằm viện 3.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ và thống nhất liên đới bồi thường cho anh Trần Ngọc C tiền thuốc 4.000.000đ, tiền tàu xe đi tái khám 3.000.000đ, tiền ăn bồi dưỡng khi nằm viện 3.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000đ, tổng cộng là 20.000.000đ.

Quá trình điều tra, thì gia đình của bị cáo Ngô Ni K đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Văn B và anh Trần Ngọc C mỗi người là 2.000.000đ, gia đình của bị cáo Danh D đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Văn B và anh Trần Ngọc C mỗi người là 2.000.000đ và gia đình của bị cáo Võ Văn Đ đã tự nguyện bồi thường cho ông Trần Văn B và anh Trần Ngọc C mỗi người là 2.000.000đ.

Các bị cáo Ngô Ni K, Danh D và Võ Văn Đ không thống nhất bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các khoản yêu cầu gồm: Ông Trần Văn B yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập 42.000.000đ, tiền ngày công lao động của người nuôi bệnh 15.000.000đ, tiền tổn hại thần kinh 100.000.000đ, tổng cộng là 150.000.000đ; Anh Trần Ngọc C yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập 39.000.000đ, tiền ngày công lao động của người nuôi bệnh 15.000.000đ, tiền thương tật 30.000.000đ, tổng cộng là 84.000.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HSST ngày 01/4/2019 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Ni K, Danh D và Võ Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Ni K 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30/4/2018.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 31/5/2018.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/12/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 xử:

Buộc các bị cáo Ngô Ni K, Danh D và Võ Văn Đ liên đới bồi thường cho bị hại ông Trần Văn B tiền thuốc 4.000.000đ, tiền tàu xe đi tái khám 3.000.000đ, tiền ăn bồi dưỡng khi nằm viện 3.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000đ (theo thỏa thuận), tiền mất thu nhập là 3.900.000đ. Tổng cộng bồi thường cho ông B là 33.900.000đ (ba mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng) và bồi thường tiền công lao động cho bà Phạm Thị P là 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng).

Buộc các bị cáo Ngô Ni K, Danh D và Võ Văn Đ liên đới bồi thường cho bị hại anh Trần Ngọc C tiền thuốc 4.000.000đ, tiền tàu xe đi tái khám 3.000.000đ, tiền ăn bồi dưỡng khi nằm viện 3.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000đ (theo thỏa thuận), tiền mất thu nhập 3.000.000đ. Tổng cộng bồi thường cho anh C là 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) và bồi thường tiền công lao động cho bà Phạm Thị L là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Cụ thể từng bị cáo phải bồi thường như sau:

1- Bị cáo Ngô Ni K bồi thường cho ông Trần Văn B số tiền là 11.300.000đ (mười một triệu ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo bồi thường cho ông B là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và nộp cho Chi cục Thi hành

án dân sự huyện An Biên số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), theo lai thu số 08154, ngày 22/3/2019. Như vậy bị cáo K còn tiếp tục bồi thường cho anh B 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm ngàn đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị P số tiền là 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Và bồi thường cho anh Trần Ngọc C số tiền lấy số tròn là 7.666.500đ (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh C trước là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), theo lai thu số 08154 ngày 22/3/2019. Như vậy bị cáo K còn tiếp tục bồi thường cho anh C số tiền là 3.666.500đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng).

2- Bị cáo Danh D bồi thường cho ông Trần Văn B số tiền là 11.300.000đ (mười một triệu ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo bồi thường cho anh B là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Như vậy bị cáo D còn tiếp tục bồi thường cho anh B số tiền là 9.300.000đ (chín triệu ba trăm ngàn đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị P là 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Và bồi thường cho anh Trần Ngọc C số tiền lấy tròn số là 7.666.500đ (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh C trước là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Như vậy bị cáo D còn tiếp tục bồi thường cho anh C số tiền là 5.666.500đ (năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng).

3- Bị cáo Võ Văn Đ bồi thường cho ông Trần Văn B số tiền là 11.300.000đ (mười một triệu ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo bồi thường cho anh B là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Như vậy bị cáo Đ còn tiếp tục bồi thường cho anh B số tiền là 9.300.000đ (chín triệu ba trăm ngàn đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị P là 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Và bồi thường cho anh Trần Ngọc C số tiền lấy tròn số là 7.666.500đ (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh C trước là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Như vậy bị cáo Đ còn tiếp tục bồi thường cho anh C số tiền là 5.666.500đ (năm triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng) và bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/04/2019, các bị hại ông Trần Văn B, Trần Ngọc C có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy bỏ bản án số 04/2019/HSST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, trả hồ sơ điều tra bổ sung do: Mức án quá nhẹ so với hành vi phạm tội của các bị cáo, tiền bồi thường chưa thỏa đáng, bỏ lọt kẻ chủ mưu là bà Đặng Thị Km và ông Lê Quốc Tr.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tội danh của bị cáo là phù hợp. Về yêu cầu kháng cáo của các bị hại: Mức án cấp sơ thẩm tuyên cho các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị hại cũng xác định không yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo. Về tiền bồi thường bị hại yêu cầu tăng tiền tổn thất tinh thần, thu nhập bị mất, tiền xe đi khám bệnh, tất cả các khoản này đã được cấp sơ thẩm xem xét buộc các bị cáo bồi thường, các bị hại yêu cầu tăng thêm nhưng không cung cấp được hóa đơn chứng từ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên các bị cáo đều tự nguyện bồi thường thêm cho mỗi bị hại 7.500.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về kháng cáo yêu cầu xử lý vai trò chủ mưu của bà Đặng Thị Km và ông Lê Quốc Tr là không có căn cứ vì không chứng minh được bà Km và ông Tr có chỉ đạo cho các bị cáo đánh các bị hại. Việc bà Km đến nhà bị hại đòi nợ đã kết thúc khi hai bên thỏa thuận được bà Km ra về và kêu nhóm K đi về. Hành vi chém là do ông B chủi thách thức nên các bị cáo xông vào gây thương tích. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, kháng cáo yêu cầu xử lý bà Km và ông Tr là không phù hợp. Từ đó đề nghị HĐXX chỉ chấp nhận phần tiền bồi thường thêm của các bị cáo cho các bị hại, các kháng cáo khác không chấp nhận. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quan điểm bào chữa của trợ giúp viên: Thống nhất về tội danh của các bị cáo, do các bị cáo có bồi thường thêm cho các bị hại nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 14/2/2018 khi nghe chị Đặng Thị Km than phiền về việc đi đòi nợ nhà ông Trần Văn B và bị ông đòi đánh, Ngô Ni K điện thoại cho Võ Văn Đ rủ đi công chuyện và kêu mang theo hung khí, K mượn xe của anh Danh Minh T chạy đến nhà Danh D rủ đi công chuyện. Cả nhóm chuẩn bị hung khí đi đến nhà ông Trần Văn B. Chị Đặng Thị Km vào nhà ông B đòi nợ thì vợ chồng ông B hứa trả, chị Km ra về và kêu nhóm K đi về thì ông Trần Văn B đứng trong sân nhà liên tục thách thức, chửi nhóm của K, K rút dao thủ sẵn trong người, Đ lấy dùi cui điện bật lên, còn Danh D cũng rút dao ra đi theo phía sau K. Ngô Ni K cầm dao xông vào định chém ông B nhưng ông B bỏ chạy. Lúc này, Trần Ngọc C (là con trai ông B) cầm cây chạy đến thì bị K dùng dao chém nhiều nhất trúng vào vùng cổ, vai, tay trái và hông của C. Võ Văn Đ xông tới cầm dùi cui điện chích vào bả vai trái của C. Ngô Ni K tiếp tục xông vào nhà chém ông B 01 nhất trúng vào vùng trán, thì ông B giằng co với K và giữ được cây dao của K. Thấy vậy, Đ xông vào dùng dùi cui điện chích vào tay trái ông B và Danh D cũng xông vào chém ông B 02 nhất trúng vào vùng trán ông B. Sau đó, Ngô Ni K quăng bỏ cây dao tại hiện trường, rồi cùng với Danh D và Võ Văn Đ về nhà. Kết luận giám định thương tích của Trần Văn B là 32%, Trần Ngọc C là 12%. Do vậy Tòa án nhân dân huyện An Biên đã xử phạt các bị cáo Ngô Ni K, Danh D, Võ Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị hại:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại xác định yêu cầu kháng cáo đề nghị xử lý vai trò chủ mưu đối với bà Km và ông Tr, yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập và tăng tiền tàu xe đi lại đối với các bị cáo. HĐXX thấy rằng đối với vai trò của bà Km và ông Tr trong vụ án đã được cấp sơ thẩm làm rõ, vợ ông B và bà Km thỏa thuận về việc trả nợ thì bà Km ra về và kêu K về là đã chấm dứt ở đó. Nhưng do bức xúc ông B chửi thách thức các bị cáo nên các bị cáo mới bộc phát chém gây thương tích thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do mình gây ra. Bà Km và ông Tr không có tham gia gì, cũng không kêu nhóm của K đánh các bị hại nên không có cơ sở xử lý hình sự theo yêu cầu của các bị hại.

Đối với yêu cầu tăng các khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần, tiền tàu xe và thu nhập bị mất của bị hại Trần Văn B là 38.000.000 đồng và Trần Ngọc C là 20.000.000 đồng, HĐXX xét thấy các khoản bồi thường cấp sơ thẩm đã xem xét buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại. Các bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường nhưng không cung cấp thêm được hóa đơn chứng từ nào mới, tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện liên đới bồi thường thêm cho các bị hại 15.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường cho một bị hại 2.500.000 đồng. HĐXX ghi nhận sự

tự nguyện này, còn lại các khoản tiền khác bị hại yêu cầu không có cơ sở HĐXX không chấp nhận.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bỏ lọt tội phạm của các bị hại và ghi nhận tiền bồi thường thêm của các bị cáo cho các bị hại là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

[5] Về quan điểm bào chữa của trợ giúp viên: Trợ giúp viên thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, đối với tình tiết bị cáo bồi thường tự nguyện khắc phục hậu quả, cấp sơ thẩm đều đã áp dụng cho các bị cáo nên đề nghị của trợ giúp viên HĐXX không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại Trần Văn B, Trần Ngọc C về phần trách nhiệm dân sự; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Ni K 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/4/2018.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/5/2018.

Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Ngô Ni K, Danh D, Võ Văn Đ. Ngoài số tiền phải bồi thường theo bản án sơ thẩm các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại Trần Văn B 7.500.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng), bồi thường thêm cho bị hại Trần Ngọc C 7.500.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 01/4/2019 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện An Biên (1);
- THA huyện An Biên (1);
- VKSND huyện An Biên (1);
- CQCSĐT huyện An Biên (1);
- Bị hại kháng cáo (2);
- Bị cáo (3);
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền